

KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM

LÊ MINH QUỐC

Tập 8

CÁC VỊ NỮ DANH NHÂN VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

**CÁC VI
NỮ DANH NHÂN
VIỆT NAM**

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Lê Minh Quốc

Các vị nữ danh nhân Việt Nam / Lê Minh Quốc. - Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009
270tr. ; 24cm. - (Kể chuyện danh nhân Việt Nam ; T.8)
1. Danh nhân -- Việt Nam. 2. Nữ anh hùng -- Việt Nam. I. Ts.

959.7092 -- dc 22
L433-Q16

KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM 

LÊ MINH QUỐC

CÁC VỊ NỮ DANH NHÂN VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

HOÀN NGHỆNH BẠN ĐỌC GÓP Ý PHÊ BÌNH
NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
161b Lý Chính Thắng - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 9316211 - 8465595 - 8465596 - 9316289
Fax: 84.8.8437450
E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn
Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

LỜI NÓI ĐẦU

Trong lịch sử bốn ngàn năm giữ nước và dựng nước, đất nước ta đã xuất hiện nhiều phụ nữ anh hùng và tài hoa. Họ có những đóng góp quan trọng, có thể sánh với nam giới, thậm chí còn hơn cả nam giới ở một vài lĩnh vực nào đó. Đây là điều rất đáng tự hào. Lâu nay, chúng ta vẫn ý thức rằng, không có mặt trời thì hoa không nở, không có phụ nữ không có thế giới. Do đó, tìm hiểu vai trò và sự đóng góp của phụ nữ ở bất cứ thời điểm nào cũng là điều cần thiết và qua đó, chúng ta có thể học tập ở họ những đức tính cao quý khác mà nam giới khó có thể sánh được. Khi biên soạn tập sách **Các vị nữ danh nhân Việt Nam**, nhà thơ Lê Minh Quốc cố gắng đóng góp phần nhỏ vào mục đích trên.

Tuy nhiên, do khuôn khổ có hạn, trước mắt tập sách đề cập đến những vị nữ danh nhân như chị em Hai Bà Trưng đã khởi binh đánh đuổi giặc phương Bắc, nói như sử gia Lê Văn Hưu thì Hai Bà đã “xưng vương dễ như trở bàn tay” và “trong khoảng hơn nghìn năm, bọn đàn ông chỉ cúi đầu bó tay làm tôi tớ cho người phương Bắc, há chẳng xấu hổ với hai chị em họ Trưng là đàn bà hay sao?”. Nữ tướng Lê Chân, chiến đấu dưới ngọn cờ chính nghĩa của Hai Bà Trưng, lập nên những chiến công hiển hách và được tấn phong là Thánh Chân công chúa. Nhưng đến nay ít người biết rằng, chính bà là người phụ nữ đầu tiên mở đất Hải Phòng và dựng lên trang sử oanh liệt. Những phụ nữ bước ra chiến trường như thế không hiếm trong lịch sử nước ta, ta còn có thể kể đến Bà Triệu - người đã thể hiện khí phách của mình: “muốn cưới con gió mạnh, đập bằng sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông” mà không phải đấng nam nhi nào cũng có được.

Nhìn suốt chiều dài của lịch sử, ta nhận thấy hình ảnh người phụ nữ trong thế kỷ XX đã có nhiều bước tiến bộ khác trước rất nhiều, họ

không còn phải ru rú trong xá bấp với quan niệm cổ hủ “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” mà đã ý thức bước ra ngoài xã hội, cùng nam giới đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Nhà văn hóa Nguyễn Đồng Chi cho rằng: “Lịch sử văn hóa, tư tưởng Việt Nam trước, nay và sau có thể tóm tắt bằng một chữ đánh”. Sau truyền thống đánh giặc của Bà Trưng, Bà Triệu... Sau này chúng ta lại có hàng loạt những phụ nữ nối tiếp truyền thống “giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”. Đó là vợ ba Cai Vàng, nữ tướng Bùi Thị Xuân, liệt nữ Cô Giang, liệt nữ Trần Thị Trâm, Lê Thị Đan, Võ Thị Sáu, nữ tướng Nguyễn Thị Định. Những tấm gương hy sinh oanh liệt hoặc mưu trí trong lúc cầm quân của họ muôn đời sau vẫn còn khiến mọi người khâm phục.

Tùy theo điều kiện, mỗi phụ nữ có cách chọn lựa khác nhau dâng cống hiến nhiều nhất tài năng của mình cho đất nước, cho cộng đồng. Nếu bà Nguyễn Thị Minh Khai trực tiếp tham gia Nam kỳ khởi nghĩa thì bà Cao Thị Khanh, bà Đạm Phương nữ sử... chiến đấu trên diễn đàn văn chương, báo chí; bà Năm Phỉ hoạt động lãnh vực sân khấu... Cho đến nay cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ vẫn là điểm son chói lọi trong lịch sử nước nhà, nó đã chứng minh tấm lòng yêu nước của con dân dưới ách nô lệ quyết đòi quyền sống, dù phải hy sinh tính mạng... Trong tập sách này chúng tôi cũng đề cập đến những phụ nữ tiêu biểu khác như mẹ Suốt, tên gọi thân thương dành cho bà mẹ có cái tên bình dị là Nguyễn Thị Suốt, quê ở Quảng Bình, đã chèo đò đưa bộ đội qua sông dưới bom đạn Mỹ mà không run sợ. Sự đóng góp của mẹ đã được Quốc hội nước ta tuyên dương Anh hùng. Có thể khẳng định, trong cuộc kháng chiến thần kỳ vừa qua, mỗi người Việt Nam yêu nước, từ nhiều góc độ khác nhau đã có những cách đóng góp riêng. Với suy nghĩ đó, chúng tôi còn đề cập đến Ni trưởng Huỳnh Liên; hoặc một nữ sinh Sài Gòn chọn cái chết là tự thiêu để phản đối chiến tranh phi nghĩa, đánh thức lương tri yêu chuộng hòa bình của loài người. Đó là chị Phan Thị Mai mà hiện nay bút hiệu của chị được đặt tên đường: Nhất Chi Mai.

Chúng tôi cũng không quên những bậc nữ lưu nổi tiếng trong các lĩnh vực khác. Đó là thiền sư Diệu Nhân ở thế kỷ XI, với bài kệ nổi

tiếng để lại cho đời sau, được giới nghiên cứu văn học nước nhà xếp vào các nữ tác gia tiêu biểu của đời Lý. Hoàng thái hậu Ý Lan, người được nhân dân đồng hóa với nhân vật cô Tấm trong cổ tích và cũng là người giúp vua Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông trong việc trị nước. Bà Nguyễn Thị Duệ uyên bác đời nhà Mạc - một người phụ nữ đầu tiên thi đậu Tiến sĩ trong lịch sử khoa bảng Việt Nam. Cho dù trong xã hội thời trước người phụ nữ không có cơ hội lên chõng để đem tài năng ra giúp nước, nhưng bà đã giả trai để ra thi thố với các đấng mày râu đương thời!

Ta còn có thể kể đến nữ sĩ Đoàn Thị Điểm - một trong những người đã có công dịch tác phẩm Chinh phụ ngâm từ chữ Hán ra chữ Nôm. Nữ sĩ Hồ Xuân Hương với những bài thơ sử dụng ngôn ngữ dân tộc đạt đến đỉnh cao, nhà thơ Xuân Diệu và người đời sau ca ngợi là “Bà chúa thơ Nôm”. Bà Huyện Thanh Quan - nữ sĩ tài hoa với những áng thơ trang nhã, điêu luyện mà nhiều thế hệ sau vẫn còn thuộc nằm lòng. Nữ sĩ Sương Nguyệt Anh - con gái của cụ Đồ Chiểu, người phụ nữ tiết hạnh đã đứng ra làm tờ báo Nữ giới chung đầu tiên dành cho nữ giới. Cũng trong giai đoạn này, ta còn có thể kể đến bà Bang Nhân một nữ sĩ tiêu biểu của đất Quảng Nam ở giữa thế kỷ XIX mà lâu nay do thiếu tài liệu nên chưa nhiều người biết đến. Tất nhiên chúng tôi không thể không đề cập đến vai trò của bà Từ Dũ - người mẹ đã nghiêm khắc lấy lòng nhân dạy con nên người - dù người con ấy là vua Tự Đức mà lịch sử còn phán xét, nhưng đức độ của bà rất tiêu biểu cho hình ảnh các bà mẹ Việt Nam trong phép dạy con. Do đó, không phải ngẫu nhiên mà bệnh viện sản phụ lớn nhất tại TP. Hồ Chí Minh đã đặt tên của bà như một sự nhắc nhở cho các bà mẹ tương lai trong ý thức giáo dục con sau này.

Thật đáng kính phục cho tấm lòng nhân hậu của người phụ nữ Việt Nam, có người dù không phải là bậc nữ sĩ có nhiều áng văn bất hủ trong văn học sử, hoặc là người cầm quân thao lược đánh đông dẹp bắc, nhưng đời sau vẫn nhớ mãi vì đã để lại cho hậu thế tấm gương sáng về việc làm từ thiện. Người đó là bà Cả Mọc và bà cũng là người đầu tiên thành lập Hội Tế Sinh nuôi dưỡng trẻ em ở Hà Nội mà trong

tác phẩm của mình nhà văn Vũ Trọng Phụng đã ca ngợi bà với tất cả sự ngưỡng mộ v.v...

Xin được nhắc lại, Các vị nữ danh nhân Việt Nam là tập sách sách thuộc bộ KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM do nhà thơ Lê Minh Quốc biên soạn. Đến nay, theo yêu cầu của độc giả, Nhà Xuất Bản Trẻ đã xuất bản các tập Danh nhân khoa học, Danh nhân quân sự, Các vị tổ ngành nghề, Danh nhân sư phạm, Các vị nữ danh nhân, Những nhà cải cách, Danh nhân cách mạng, Những người Việt Nam đi tiên phong, Danh nhân văn hóa. Điều này cho thấy bạn đọc trẻ ngày nay vẫn quan tâm đến nhân vật và sự kiện của lịch sử nước nhà. Để bộ sách thật sự hữu ích cho bạn đọc - nhất là các bạn thanh thiếu niên - chúng tôi rất mong được sự chỉ giáo, giúp đỡ chân tình của các học giả uyên bác, của các nhà sử học và của các bạn đọc xa gần để bộ sách này ngày một hoàn hảo hơn. Trước hết xin quý độc giả ghi nhận nơi đây sự biết ơn sâu xa của chúng tôi.

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

HAI BÀ TRƯNG

*Bậc liệt nữ đầu tiên
trong lịch sử nước nhà*

*Bà Trưng quê ở Phong Châu
Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên
Chị em nặng một lời nguyện
Phất cờ nương tử, thay quyền tướng quân
Ngàn tây nổi áng phong trần
Ầm ầm binh mã xuống gần Long Biên
Hồng quân nhẹ bước chinh yên
Đuổi ngay Tô Định dẹp yên biên thành
Đô kỳ đóng cõi Mê Linh
Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta*

Những câu thơ trong *Đại Nam quốc sử diễn ca* tưởng chừng còn âm vang mãi, đọc hoài vẫn không chán, nghe mãi vẫn thấy hay. Chiến công của bậc nữ lưu đầu tiên trong lịch sử nước ta vẫn còn chói lọi đến thiên thu. Sử gia Lê Văn Hưu đã bình luận những câu sắc bén: “Trung Trắc, Trung Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố cùng 65 thành ở Lĩnh Ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước, xưng vương dễ như trở bàn tay, có thể thấy hình thể nước Việt ta đủ dựng được nghiệp bá vương. Tiếc rằng nối sau họ Triệu cho đến trước nhà Ngô, trong khoảng hơn nghìn năm, bọn đàn ông chỉ cúi đầu bó tay làm tôi tớ cho người phương Bắc, há chẳng xấu hổ với hai chị em họ Trưng là đàn bà hay sao? Ôi! Có thể gọi là tự vứt bỏ mình

vậy”. Thật vậy, ngay từ năm 221 trước công nguyên, nhà Tần sau khi thống nhất toàn Trung Quốc đã đem 50 vạn quân xâm lược phương Nam. Chẳng bao lâu, nhà Tần suy yếu, nhà Hán lên chiếm ngôi báu. Lợi dụng thời thế loạn lạc, viên quan nhà Tần là Triệu Đà chiếm giữ cả ba quận Nam Hải, Quế Lâm, Tượng, lập nước Nam Việt. Sau đó Triệu Đà cầm quân đi đánh nước Âu Lạc ta, nhưng đánh mãi không xong vì ngoài tinh thần quật khởi dân tộc ta còn có thành Cổ Loa kiên cố, có nỏ thần Kim Quy. Vì vậy, Triệu Đà xảo quyết dùng kế hoãn binh với An Dương Vương, rồi lập mưu đánh cắp nỏ thần. Nhờ vậy, Triệu Đà mới chiếm được nước Âu Lạc rồi sát nhập vào Nam Việt - chia làm hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân. Từ năm 111 trước công nguyên vua Vũ Đế nhà Hán sai hai chục vạn quân sang đánh nhà Triệu và sau khi chiếm được nước Nam Việt, chúng đổi thành Giao Chỉ bộ rồi chia làm 9 quận. Từ đó cho đến năm 39 sau công nguyên, là thời kỳ mà sử nước ta gọi là thời kỳ “Bắc thuộc lần thứ nhất”. Dưới ách thống



Tượng thờ Bà Trưng Trắc

trị tàn khốc của nhà Hán, dân tộc ta không ngừng đứng lên đấu tranh giành độc lập dân tộc. Rõ ràng suốt 150 năm đó, tinh hoa và khí phách của dân tộc đã hun đúc nên tinh thần quyết chiến quyết thắng mà đỉnh cao chính là cuộc khởi nghĩa của chị em Hai Bà Trưng ở Mê Linh (tức vùng Hạ Lôi, huyện Yên Lãng - Vĩnh Phú ngày nay).

Theo thần tích và truyền thuyết thì mẹ Hai Bà Trưng là bà Man Thiện - cháu chắt bên ngoại Hùng Vương. Dù góa chồng

sớm, nhưng bà vẫn đảm đang việc nuôi dạy hai con theo tinh thần yêu nước và thượng võ. Gia đình bà sống bằng nghề nuôi tằm, kéo tơ, do đó, khi sinh con, bà đã đặt tên con đầu là Trắc (trúng chắc) và con thứ là Nhị (trúng nhì). Nhờ sự chăm sóc chu đáo của mẹ, hai chị em lớn lên đều khỏe mạnh, giỏi võ nghệ, tính khí hùng dũng. Bấy giờ, nước Nam Việt ta đã bị nhà Hán xâm lược, chúng đổi tên là Giao Chỉ và chia làm chín quận.



Tượng thờ Bà Trưng Nhị

Đứng đầu mỗi quận có một viên Thái thú trông

coi về chính trị và một viên Đô úy chỉ huy lực lượng quân sự. Năm 34, vua Hán Quang Vũ sai Tô Định sang làm Thái thú quận Giao Chỉ. Hán vốn là kẻ tham lam, độc ác nên ai ai cũng oán giận. Trong khi đó, đến tuổi thanh xuân, bà Trưng Trắc đã kết hôn với Thi Sách⁽¹⁾ con trai lạc tướng ở Chu Diên (tức vùng nằm dọc sông Đáy, sông Hồng ngày nay). Cuộc hôn nhân này khiến Tô Định giật mình vì biết rằng đằng sau đó là sự liên kết giữa hai thế lực của hai vùng đất rộng lớn nhằm lật đổ ách thống trị của nhà Hán. Do đó, Tô Định đột ngột đem quân về Chu Diên bắt giết Thi Sách. Vốn là con nhà tướng, từ lâu căm

¹ Về tên chồng bà Trưng, gần đây có nhà nghiên cứu căn cứ vào sách *Thủy kinh chú*, *Hậu Hán thư* cho rằng tên là Thi, chứ không phải là Thi Sách. (*Phương pháp sử học*, NXB Sao Mai 1974, của Nguyễn Phương và tạp chí *Kiến thức ngày nay* số ra ngày 10-3-1998). Vấn đề này giới sử học chưa có ý kiến chính thức. Tuy nhiên, chúng tôi cũng nêu ra để bạn đọc tham khảo, khi tiếp cận thông tin mới trong vấn đề sử học.

thù nhà Hán nên hai chị em bà Trưng nhân cơ hội này dấy binh khởi nghĩa. Như vậy, hành động chính nghĩa của Hai Bà vừa vì tình riêng mà cũng vừa vì nghĩa lớn. Trưng Nhị được cử đi liên hệ với hào kiệt bốn phương, còn Trưng Trắc chiêu mộ binh sĩ luyện tập cung kiếm, võ nghệ ngày đêm. Thiên hạ khắp nơi nhiệt liệt hưởng ứng. Điều lạ lùng đáng khâm phục là dưới ngọn cờ của Hai Bà Trưng đã tập hợp được nhiều nữ tướng như: Lê Chân, Bát Nạn, Nàng Nội, Lê Ngọc Trinh, Thiển Hoa, Lê Thị Liễu, Ả Là, v.v... Đây không phải là những tên tuổi được kể lại theo truyền thuyết mà những nữ tướng này hiện nay còn được nhân dân ở các xã tại Vĩnh Phú lập miếu đền tưởng niệm.

Theo truyền thuyết dân gian thì nơi Hai Bà Trưng tập luyện binh sĩ chính là tại xã Lâu Thượng gần Ngã Ba Hạc (Vĩnh Phú). Tại đây, người dân kiêng “húy ngài”, nên từ “nhị” được nói lại thành “nhội” hay “nhội”. Còn làng Giỏ (xã Kinh Kệ, huyện Phong Châu) là nơi Hai Bà Trưng đóng quân. Mùa xuân năm 40, Hai Bà ra quân để quét sạch quân giặc Hán tham tàn. Trước hết, nghĩa quân đã vào viếng đền thờ Xuân Dung, công chúa con vua Hùng, khẩn các vua Hùng và công chúa âm phù cho thắng trận. Sau đó, Hai Bà tiến quân về núi Hùng làm lễ tổ tiên, Trưng Trắc đã đọc bốn lời thề mà dân gian còn ghi lại trong *Thiên Nam ngữ lục*:

*Một xin rửa sạch nước thù
Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng
Ba kéo oan ức lòng chồng
Bốn xin vền vẹn sở công lênh này*

Sau lời phát nguyện này, tiếng chiêng, cồng, trống âm âm nổi lên⁽¹⁾. Trên bành voi oai phong lẫm liệt, Hai Bà đã thúc quân ra trận. Theo

¹ Theo Tập chí *Xưa & Nay* của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (số 65 phát hành 7-1999) thì trong quyển *Hoàng bà Phả lục* do tiến sĩ Phạm Quý Truật soạn đời Lê Cảnh Trị (1663-1671) có viết rằng trước lúc xuất quân, Hai Bà Trưng đã đọc bài Hịch: “*Nay Tô Định làm Thái thú Giao Châu, tham tài hiếp sắc, hiếp vợ giết chồng, thần dân đều cùng oán giận, trời đất không thể dung tha.*”

Ta nay vâng mệnh trời, thuận lòng người, dấy nghĩa diệt loài vô đạo họ Tô, hào khí ngất trời, đuổi giặc ngoại xâm giặc Hán, dựng cờ tự chủ ở nước Nam. Trống khuya quật cường vang bốn cõi.

Hịch văn đến đâu không kể thổ hào trai gái, đều nên tự khởi nghĩa binh, hãy chiếm lấy châu quận phủ huyện hạt mình, cắt đứt viện trợ quân lương của giặc, sau sẽ chọn quân binh nhuệ đến Hát Môn tiêu diệt giặc Hán.

Hịch này truyền ra toàn quốc đều rõ”.

kế hoạch, nữ tướng Thánh Thiên và Lê Chân đi tiên đạo vây phủ Thái thú, quyết bắt cho bằng được tên Tô Định. Hai Bà Trưng cùng nữ tướng Bát Nạn đi trung quân. Còn phía sau là dân quân vận tải lương thực đi theo. Quân đi đến đâu người theo đến đấy như đi trẩy hội.



Hai Bà Trưng qua tranh dân gian

Trước khi thế ngút trời của đoàn quân khởi nghĩa, Tô Định kinh hoàng phải trốn chạy về Nam Hải để chịu tội với vua Hán:

*Ngàn tây nổi áng phong trần
Ầm ầm binh mã tới gần Long Biên
Hồng quân nhẹ bước chinh yên
Đuổi ngay Tô Định dẹp yên biên thành*

Đọc lại vần thơ mà chúng ta tưởng như còn nghe tiếng ngựa hí, quân reo của ngàn xưa vọng lại. Nghĩa quân đi đến đâu, giặc khiếp sợ bỏ chạy đến đó. Các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố... cũng đều nhất tề nổi dậy theo lời kêu gọi của Hai Bà. Chỉ trong một thời gian ngắn, nghĩa quân đã lấy lại được 65 huyện thành! Chính quyền đô hộ ngót 150 năm của nhà Hán sụp đổ trong chớp mắt! Tài cầm quân của chị em Bà Trưng thật đáng khâm phục.

Sau chiến thắng oanh liệt này, Hai Bà được nhân dân suy tôn làm vua, xưng là Trưng Vương. Để phòng ngự, Hai Bà đã phong nữ tướng Thánh Thiên làm Thái bảo chư hầu - đóng quân trấn giữ Hợp Phố - đề phòng ở phía bắc; phong cho Đô Lương làm trấn thủ Cửu Chân, Nhật Nam - đề phòng giặc đi đường biển từ phía nam đánh lên; phong nữ

tướng Lê Chân làm thống xuất quân đội ở Giao Chỉ. Còn Hai Bà đóng đô ở Mê Linh và 2 năm liền xá thuế cho dân. Với chiến thắng này, *Lịch sử Việt Nam* (NXB KHXH - 1971) có lời bình luận xác đáng: “Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng nổ ra làm chấn động cả trời Nam. Từ trong ngọn lửa của cuộc nổi dậy oanh liệt ấy, tỏa ra chân lý lịch sử này: Một dân tộc dù nhỏ nhưng tự mình đã dựng nên và làm chủ đất nước với số phận mình, là bất khuất. Không một sức mạnh nào tiêu diệt được nó. Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà là kết tinh của cả một quá trình đấu tranh, khi âm thầm, lúc công khai của nhân dân Việt Nam. Đây là một phong trào nổi dậy của toàn dân, vừa quy tụ vào cuộc khởi nghĩa ở Hát Môn do Hai Bà Trưng đề xướng, vừa tỏa rộng trên toàn miền Âu Lạc cũ”.

Nhận được tin thắng trận của Hai Bà Trưng, vua nhà Hán vô cùng tức giận liền sai Phục Ba tướng quân là Mã Viện đem hơn một vạn quân tinh nhuệ sang cướp lại nước ta. Mã Viện vốn là danh tướng của nhà Đông Hán. Thời trai trẻ, y thường nói: “Làm trai ở đời phải nên lập công nơi biên ải, nên để cho da ngựa bọc thây mang về. Chứ chết trong tay đàn bà con trẻ ở chốn cố hương thì nào có ích gì!”. Tháng 4 năm 42, Mã Viện hùng hổ kéo quân vượt biên giới. Khi vừa tới Hợp Phố, nữ tướng Thánh Thiên đã nhanh chóng bất ngờ đánh tập kích, Mã Viện phải cho lui quân rồi ngấm qua Quỷ Môn Quan (ải Chi Lăng) lên xuống vùng Lục Đầu rồi tiến ngược lên Lãng Bạc (Tiên Sơn - Hà Bắc). Như vậy, ngay từ lúc mới chân ướt chân ráo ló mặt sang biên giới, quân tinh nhuệ Mã Viện đã bị đánh một trận đích đáng.

Nghे tin Mã Viện đang ở Lãng Bạc, Hai Bà Trưng cùng nữ tướng Lê Chân liền đem quân nghênh chiến - nhằm chủ động đánh giặc từ xa để bảo vệ quốc đô Mê Linh. Quân giặc do hành quân đường xa, chưa kịp nắm được địa hình, địa vật nên đã nao núng trước sức tấn công của khởi nghĩa. Bấy giờ, thời tiết đang chuyển dần sang mùa hè nóng bức, giặc không chịu được phong thổ càng đâm ra chán ngán. Chính Mã Viện sau này có tâm sự với bọn tướng sĩ dưới quyền rằng:

- Ngày trước khi ta còn hàn vi, muốn lập nghiệp lớn, em họ ta là Thiều Du thương ta vất vả có bảo rằng: “Người ta ở đời miễn là được cơm no áo ấm. Ham giàu sang, thích sự nghiệp chỉ khổ mình thôi!”.

Ta không cho thế là phải. Nhưng lúc sang Giao Chỉ ở miền Lãng Bạc, đóng quân nơi đất lạ, giặc chưa diệt được mà trời thì dưới nước lụt, nên mây mù, khí độc bốc lên ngùn ngụt, ngẩng trông lên thấy chim điều hâu đang bay sà xuống nước chết, ngấm lại lời của Thiếu Du mới thấy là đúng.

Những lời của chính Mã Viện thốt ra, chứng tỏ danh tướng của nhà Đông Hán khi giao chiến với Hai Bà Trưng cũng phải hoang mang, khiếp sợ. Dù vậy, lực lượng của giặc còn đông, thạo nghề cung kiếm nên cuối cùng chúng cũng giành được thế áp đảo. Hai Bà Trưng cho lui quân về Cấm Khê (nay thuộc huyện Yên Lạch - Vĩnh Phúc). Mã Viện đem quân đuổi theo. Những trận đánh long trời lở đất lại nổ ra. Ở nhiều chiến tuyến khác, các nữ tướng của Hai Bà Trưng cũng anh dũng chống cự. Để tiếp ứng cho Hai Bà Trưng, nữ tướng Thánh Thiên và bảo tướng Đô Lương kéo quân chi viện, nhưng chưa đến nơi thì bị giặc đánh tan tác. Còn nữ tướng Lê Chân cho quân lấp suối ngăn sông để chặn đường tiến của giặc. Nhưng rồi, vì sức yếu, quân ta trên các chiến tuyến khác đều tan vỡ. Để giữ toàn vẹn khí tiết của bậc nữ lưu anh hùng, khi chạy về đến xã Hát Môn (nay thuộc huyện Phú Thọ, Hà Tây), Hai Bà Trưng đã gieo mình xuống sông Hát Giang (nơi sông Đáy tiếp giáp với sông Hồng Hà) để tự vận. Về sau các nữ tướng của Hai Bà Trưng cũng chọn cái chết oanh liệt như thế.

Về thời gian Hai Bà Trưng hy sinh thì theo truyền thuyết dân gian là ngày mùng 8-3, nên ở đền Hát Môn diễn ra lễ hội vào ngày này. Nhưng một số đền lại thờ vào ngày khác. Chẳng hạn đền Đông Nhân (Hà Nội) lại mở hội vào ngày mùng 6-2 vì ngày này theo truyền thuyết của làng, Hai Bà Trưng đã hóa ra tượng gỗ nổi trên mặt nước trôi qua làng và được dân làng vớt về thờ. Còn theo thần tích của đền Gia Phúc (huyện Vĩnh Lạc - Vĩnh Phúc) thì khi gieo mình xuống dòng Hát Giang, hai giải yếm của Hai Bà trôi trên sông Nguyệt Đức, được nhân dân nơi đây vớt lên để thờ. Hoặc truyền thuyết dân gian vùng Vĩnh Phú lại cho rằng, khi thua trận, Hai Bà đã ngự giá lên núi Hy Sơn rồi biến mất. Những truyền thuyết này cho thấy nhân dân ta rất ngưỡng mộ và tôn kính Hai Bà Trưng. Hiện nay, tại đền Gia Phúc còn có bức hoành phi



Lễ hội Hai Bà Trưng trước năm 1945

ghi câu: “Lạc Hồng chính thống”, đền Xuân Đài lại ghi “Nữ Trưng anh kiệt”. Nhiều người vẫn còn nhớ câu đối rất hay ở đền Gia phúc:

- *Đại tướng quân quyền, lục thập dư thành quy thống nhất;*

Vi anh hùng chúa, tứ thiên niên quốc chính khai tiền.

(Cầm quyền đại tướng, hơn sáu mươi thành thu về một mối;

Làm chúa anh hùng, bốn ngàn năm độc lập mở màn đầu).

- *Trâm hoa tự tướng tôi Tô Mã;*

Cổn miện xưng vương kế Lạc Hồng.

(Bạc nữ nhi làm tướng đánh đuổi Tô Định và Mã Viện

Áo mào lên ngôi vua, nối tiếp dòng dõi Lạc Hùng).

Các câu đối, hoành phi này đã nêu lên chiến công hiển hách của Hai Bà Trưng - những người phụ nữ anh hùng đã kế tiếp được truyền thống dựng nước và giữ nước của các vua Hùng. Hiện nay, trên toàn khu vực sông Hồng chỉ mới tìm thấy hai tấm bia ca ngợi công đức của Hai Bà Trưng. Cả hai tấm bia này đều có tên là “Trưng Vương sự tích bi ký” và đặt tại đền Đồng Nhân (Hà Nội). Bia thứ nhất do tiến sĩ Vũ Hoán Phủ (tức Vũ Tông Phan), hiệu Đường Xuyên soạn năm 1840, trong đó có câu như:

“Trí tuệ như thế ai mà sánh kịp, tài lược như thế ai mà sánh kịp, nghĩa khí như thế ai mà sánh kịp. Chị em một nhà, anh hùng muôn

thuở, Hai Bà quả là bậc người hiếm có trong nữ giới và việc làm của Hai Bà cũng khó mà có được trong nữ lưu.

Các đấng trượng phu làm việc vốn không cần bàn luận thành bại, mà việc làm của Hai Bà lại không nên lấy thành bại để luận bàn. Nghìn đời sau, đọc trong sử cũ, khiến mọi người đều tăng thêm chính khí. Đến bản triều, Hai Bà vẫn được thờ cúng ở các đền miếu của các triều vua. Ngoài ra, miếu thờ Hai Bà đâu cũng có, ấy là do uy thiêng của Hai Bà lưu truyền lại”. (Bản dịch của Lê Thuộc và Trần Huy Bá).

Còn tấm bia thứ hai do Đốc học Hà Nội là cử nhân Dương Duy Thanh soạn năm 1848, trong đó có câu:

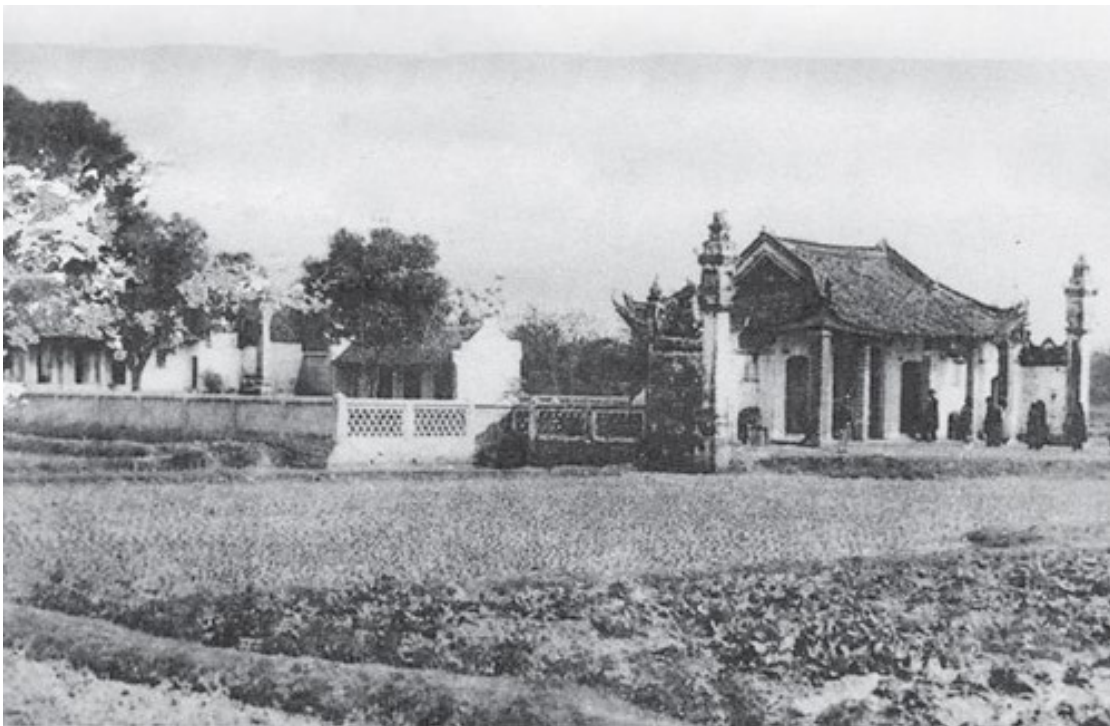
“Trong khoảng vũ trụ, sự nghiệp kỳ lạ phần nhiều sinh ra từ những khách trượng phu. Phận gái mà làm nên sự nghiệp lạ, chẳng cũng là bậc nữ trượng phu đó sao? Như thế lại càng đáng ghi lắm.

Nhớ Hai Bà Trưng, người Châu Phong, cha là Lạc tướng, tổ là Hùng Vương. Kể về dòng dõi kẻ thường không sánh kịp. Huống nữa Hai Bà đem tấm thân ngọc trắng giá trong, ôm cái chí tang bồng, hoài bão không phải vừa. Hành động lớn lao chẳng ở đây thì ở đâu?” (Bản dịch của Hoa Bằng).

Tương truyền, đền thờ Hai Bà ở đâu cũng đều linh ứng. Đời vua Lý Anh Tông (1138-1175) gặp năm trời đại hạn, ruộng đất không cấy được, nhà vua sai Uy Tĩnh thiền sư đến đền Hai Bà để cầu mưa. Quả nhiên hôm ấy trời mưa tầm tã, vua thấy linh ứng bèn ra lệnh xây lại đền nguy nga hơn và phong tặng là *Trinh linh nhị phu nhân*. Đến đời Trần lại gia phong là *Uy liệt chế thắng Thuần Trinh, Bảo Thượng lương phu nhân*. Với truyền thống cao đẹp “uống nước nhớ nguồn” ở nước ta suốt bao thế kỷ nay, trong các lễ hội truyền thống tưởng nhớ công lao các vị anh hùng dân tộc, có lễ hội Hai Bà Trưng diễn ra ở ba nơi: *Hội đền Hát Môn* ngày 8-3, giỗ Vua Bà; ngày 4-9 hội quân, lập đàn thờ; ngày 24 tháng chạp hội mừng thắng trận. Còn *Hội đền Hạ Lôi* (xã Hạ Lôi, huyện Mê Linh, Vĩnh Phúc) tổ chức ngày 6 tháng giêng có lễ khao quân, rước kiệu... và *Hội đền Đồng Nhân* (phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng - Hà Nội) diễn ra từ ngày 3 đến 6-2 hàng

năm. Đặc biệt ở hội đền Hát Môn, trong lễ vật cúng Hai Bà có bánh trôi -tục gọi là bánh tù tù - xuất phát từ truyền thuyết khi quân của Hai Bà Trưng chuẩn bị khởi nghĩa, có một bà lão nghèo đã dâng cả hàng bánh trôi để ủng hộ. Hai Bà đã vui vẻ nhận và chia cho quân sĩ cùng ăn trước lúc ra trận.

Còn tượng giặc Mã Viện, sau khi cướp được nước ta, y cho dựng cây cột đồng có khắc sáu chữ: “*Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt*” (cây trụ đồng đổ thì người Giao Chỉ tuyệt diệt). Hiện nay, không rõ cây trụ đồng ấy chỗ nào, vì mỗi người đi qua đều ném vào một hòn đá, lâu ngày, biến thành gò đá, xóa mất dấu tích! Cho dù cây trụ đồng mất đi, nhưng tội ác của Mã Viện khi chỉ huy cuộc viễn chinh xâm lược vẫn còn đó. Và ngàn năm sau vẫn còn đó chiến công hiển hách của người phụ nữ Việt Nam dám đứng lên phát cờ lật đổ ách thống trị của kẻ thù phương Bắc! Chiến công này có tầm vóc rất quan trọng trong lịch sử nước nhà. Nhà sử học Nguyễn Văn Tố đã từng nói: “Bổn phận chúng ta là phải tôn Hai Bà Trưng lên bậc liệt nữ thứ nhất của nước nhà và ghi năm 40-43 vào Niên biểu chính. Mỗi khi chép sử hay dạy



Đền thờ Hai Bà Trưng (Ảnh: Võ An Ninh)

sử, nghĩa vụ của ta là phải nhớ lấy rằng trù thời lập quốc ra không kể, nước Nam ta đã có tinh thần tự chủ ngay từ hồi Hai Bà Trưng, tức là từ đầu thế kỷ thứ nhất, chứ không phải từ thời Tiền Lý về thế kỷ thứ VI”. Và trong tập thơ *Vịnh sử thi tập* của tiến sĩ Đặng Minh Khiêm - người mở đầu cho loại thơ vịnh sử Nam bằng chữ Hán - viết từ thế kỷ XV có bài tứ tuyệt vịnh Hai Bà Trưng rất hay:

*Sinh tiền dũng mãnh nêu Mai Lĩnh
Hiển thánh làm mưa lại có công
Dòng dõi Mê Linh dòng võ tướng
Nữ nhi liệu được mấy anh hùng?*

(Bản dịch của Tổng tập văn học
Việt Nam, tập 6)

LÊ CHÂN

*Vàng mệnh vương, đẹp xâm lăng,
lừng danh nữ tướng*



*Tượng thờ bà Lê Chân
tại đền Nghè (Hải Phòng)*

Hải Phòng là thành phố cảng nằm bên bờ vịnh Bắc bộ. Hải cảng của thành phố này được xây dựng từ năm 1876 và cũng là một trong những thương cảng lớn của đất nước ta. Nhớ đến Hải Phòng, lập tức trong trí nhớ của ta vang lên giai điệu “Thành phố hoa phượng đỏ” của nhạc sĩ Lương Vĩnh (phổ thơ Hải Như) da diết và nồng ấm tình cảm: “*Tháng năm, rợp trời hoa phượng đỏ. Ôi! Hải Phòng thành phố quê hương. Ta yêu thành phố quê ta như yêu chính người thương yêu nhất. Những hẹn hò bên bờ sông Lấp, những con đường tấp nập áo thợ ngày đêm, những Bến Bính, Xi Măng, Cầu Rào, Cầu Đất, Lạc Viên... Những cái tên*

nghe chẳng thơ đâu, nhưng với ta vô cùng oanh liệt. Ôi! Thân thiết tự hào quê hương...”. Niềm tự hào ấy sáng mãi theo năm tháng. Và càng tự hào hơn khi ta biết người đầu tiên mở đất và dựng lên trang sử oanh